

Số: 120/2025/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 05 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 779/2024/HNST ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Lâm Thái H, sinh năm 1980; địa chỉ: 5 H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phạm Thu H1, sinh năm 1983, địa chỉ: 5 H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Căn hộ K Chung cư D, số I N, Đường số A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Thái H và bà Phạm Thu H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 189, Quyển số 01, đăng ký ngày 07/06/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Đồng Tháp). Do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa bà H1 và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H1 và ông H không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 388/GKS-BS ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân phường T (Giấy khai sinh số 119 đăng ký ngày 24/05/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) và Giấy khai sinh (Bản sao) số 387/GKS-BS ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G (Giấy khai sinh số 120 đăng ký ngày 24/05/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh); cùng lời thừa nhận của ông Lâm Thái H và bà Phạm Thu H1; ông bà có 02 (hai) con chung là trẻ Lâm Bảo V, giới tính: Nữ, sinh ngày 30/04/2010 và trẻ Lâm Bảo L, giới tính: Nữ, sinh ngày 30/04/2010.

Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao hai con chung cho bà Phạm Thu H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Lâm Thái H cấp dưỡng nuôi hai con là 13.000.000 (mười ba triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 03/2025 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Trong trường hợp ông H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Lâm Thái H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Lâm Thái H và bà Phạm Thu H1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lâm Thái H và bà Phạm Thu H1 xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lâm Thái H và bà Phạm Thu H1 cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Thái H và bà Phạm Thu H1 thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 189, Quyền số 01, đăng ký ngày 07/06/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là trẻ Lâm Bảo V, giới tính: Nữ, sinh ngày 30/04/2010 và trẻ Lâm Bảo L, giới tính: Nữ, sinh ngày 30/04/2010 cho bà Phạm Thu H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Lâm Thái H cấp dưỡng nuôi hai con chung là 13.000.000 (mười ba triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2025 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trường hợp ông H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Lâm Thái H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) ông Lâm Thái H và bà Phạm Thu H1 cùng chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037261 ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H1 và ông H đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan nơi ĐKKH ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS, (TK. Thu).



THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong